

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất.

Điều 2. Điều kiện, tiêu chí cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất từ dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác

1. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất từ dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác phải phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

2. Tiêu chí chuyển mục đích sử dụng đất từ dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác bao gồm:

a) Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

b) Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt;

c) Có đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt; kiểm tra và giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt khi chuyển đổi từ đất trồng lúa sang mục đích đất phi nông nghiệp đối với công trình trên địa bàn 02 huyện.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập phương án trồng rừng thay thế và thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Các sở, ngành có liên quan phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện bóc tách, sử dụng tầng đất mặt theo phương án sử dụng tầng đất mặt đã được thẩm định đối với công trình có diện tích đất trồng lúa trên địa bàn cấp huyện;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất; sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh Hà Giang; Báo Hà Giang;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, VNPTioffice.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Hoàng Gia Long

